

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự án: Mua sắm xe ô tô cứu thương đặc thù kèm thiết bị y tế để tài trợ ASXH cho Bệnh viện Hữu Nghị.
- Địa điểm thực hiện dự án: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sở giao dịch, số 11 Láng Hạ, phường Giảng Võ, TP Hà Nội hoặc tại địa điểm khác trong nội thành Hà Nội theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Quy mô dự toán: Mua sắm 01 chiếc xe ô tô cứu thương đặc thù kèm thiết bị y tế để tài trợ ASXH cho Bệnh viện Hữu Nghị.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 90 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Xe ô tô và thiết bị y tế đi kèm (***gồm 6 loại thiết bị được nêu tại Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết***) được sản xuất trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm bàn giao hàng hóa, hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu; đầy đủ phụ tùng, phụ kiện để thiết bị có thể hoạt động được ngay sau khi lắp đặt. Các hàng hóa còn lại phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Tiêu chuẩn hàng hóa: Phải tuân thủ theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ và được Việt Nam công nhận;
- Các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, vận chuyển, lắp đặt; hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ: Theo tiêu chuẩn, qui định của Việt Nam và nhà sản xuất.
- Bảng giá dự thầu hàng hóa của nhà thầu phải nêu rõ cụ thể và đầy đủ về ký mã hiệu của nhà sản xuất, nhãn mác sản phẩm theo quy định của nhà sản xuất, tên nhà sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất đối với các hàng hóa.
- Trong trường hợp tại thời điểm giao hàng không có loại sản phẩm đã đề xuất trong E-HSMT, Nhà thầu sẽ chỉ được thay đổi khi được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản;
- Trường hợp có nội dung nào đó trong các tài liệu của E-HSMT cung cấp có sự không thống nhất, Nhà thầu phải có thư đề nghị làm rõ theo quy định trước khi đề xuất trong E-HSDT.
- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong mục yêu cầu kỹ thuật dưới đây chỉ để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn

kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu được nêu ra dưới đây.

- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: Nhà sản xuất đạt trong các tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc CE hoặc tương đương.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

BẢNG YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT

STT	Yêu cầu của E-HSMT
I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH:	
	Ô tô cứu thương
1.	Dung tích động cơ: ≥ 2290 cc
2.	Công suất cực đại: ≥ 125 Kw/3200 rpm
3.	Momen xoắn: $\geq 430/1400-2400$ Nm/rpm
4.	Kích thước tổng thể: $\geq 5990 \times 2060 \times 2750$ mm
5.	Chiều dài cơ sở: ≥ 3750 mm
6.	Trọng lượng bản thân: ≥ 3100 kg
7.	Trọng lượng toàn bộ: ≥ 4100 kg
8.	Dung tích bình nhiên liệu: ≥ 80 lít
9.	Nhiên liệu sử dụng: Dầu diesel
10.	Hộp số: Số sàn hoặc số tự động ≥ 06 số tiến + 01 số lùi
11.	Hệ thống phanh trước, sau: Phanh đĩa
12.	Hệ thống chống bó cứng phanh ABS
13.	Hệ thống tay lái: Tay lái thuận có trợ lực
14.	Cỡ lốp: $\geq 235/65R16C$
15.	Màu xe: Màu trắng
16.	Số chỗ ngồi kể cả người lái: ≥ 08 ngồi + 01 nằm
II. PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN KÈM THEO GỒM:	
17.	Điều hoà nhiệt độ hai chiều khoang lái: 01 bộ
18.	Cửa sổ khoang lái điều khiển điện: 01 bộ
19.	Túi khí bảo vệ người lái: 01 bộ
20.	Khoá cửa trung tâm: 01 bộ
21.	Điều khiển từ xa: 01 bộ
22.	Đèn pha chiếu sáng phía trước loại đèn LED: 01 bộ
23.	Đèn hậu cảnh báo phía sau loại đèn LED: 01 bộ
24.	Đồng hồ hiển thị tốc độ: 01 bộ
25.	Đồng hồ báo nhiệt độ máy: 01 bộ
26.	Đồng hồ báo mức nhiên liệu: 01 bộ
27.	AM/FM Radio/SD màn hình LCD: 01 bộ
28.	Camera cảnh báo lùi: 01 bộ
29.	Cảm biến lùi: 01 bộ
30.	Tựa đầu phía trước: 01 bộ
31.	Dây đai an toàn phía trước: 01 bộ
32.	Giương chiếu hậu bên ngoài: 02 chiếc
33.	Giương chiếu hậu bên trong: 01 chiếc
34.	Chắn nắng phía trước: 02 chiếc
35.	Rửa kính phía trước (bình chứa dung dịch và cơ cấu phun dung dịch): 01 bộ
36.	Bộ dụng cụ tiêu chuẩn kèm theo xe (gồm kích và tuýp mở lốp, tay kích): 01 bộ

37.	Bánh xe dự phòng: 01 bộ
38.	Bình chữa cháy: 01 bình
39.	Búa thoát hiểm: 01 cái
40.	Sổ bảo hành: 01 quyển
41.	Sách hướng dẫn sử dụng: 01 quyển
III. TRANG THIẾT BỊ KHOANG BỆNH NHÂN:	
42.	Điều hoà nhiệt độ và hệ thống sưởi ấm khoang bệnh nhân: 01 bộ
43.	Đèn LED màu đỏ phát tín hiệu ưu tiên tích hợp trên nóc xe phía trước: 01 bộ
44.	Đèn LED màu đỏ phát tín hiệu ưu tiên tích hợp phía sau: 01 bộ
45.	Đèn LED màu đỏ phát tín hiệu ưu tiên tích hợp hai bên sườn xe: 01 bộ
46.	Đèn LED chiếu sáng phía sau giúp lên xuống cồng dễ dàng vào ban đêm: 01 bộ
47.	Đèn LED chiếu sáng hai bên sườn xe phục vụ cấp cứu ban đêm: 01 bộ
48.	Hệ thống còi phát tín hiệu ưu tiên loại đa tần: 01 bộ
49.	Amplify và microphone phục vụ công tác tuyên truyền: 01 bộ
50.	Hệ thống Intercom liên lạc giữa khoang lái và khoang bệnh nhân qua loa: 01 bộ
51.	Bảng điều khiển điện trung tâm lắp khoang sau gồm 01 màn hình màu với các phím bấm mềm hiển thị và điều khiển các chức năng: Điều hòa nhiệt độ, quạt thông gió, hệ thống điện 220V/AC, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống sưởi ấm
52.	Cổng kết nối nguồn điện 220V/AC bên ngoài nạp điện cho ắc quy trên xe: 01 bộ
53.	Bộ đổi nguồn Inverter DC/AC công suất $\geq 1000W$: 01 bộ
54.	Bình acqui lắp khoang sau cung cấp điện cho thiết bị chiếu sáng khoang bệnh nhân và bộ đèn còi ưu tiên: 01 bình.
55.	Quạt thông gió giúp lưu thông không khí trong khoang bệnh nhân: 01 chiếc
56.	Hệ thống đèn chiếu sáng khoang bệnh nhân hai chế độ ánh sáng trắng và ánh sáng vàng: 01 bộ
57.	Đèn cực tím khử khuẩn khoang bệnh nhân: 01 chiếc
58.	Hệ thống điện 12V/DC cung cấp điện cho thiết bị y tế: 03 ổ cắm
59.	Hệ thống điện 220V/AC cung cấp điện cho thiết bị y tế: Có đầy đủ cho các thiết bị y tế lắp đặt theo xe
60.	Hệ thống Oxy âm tường với 02 bình loại dung tích 10 lít có kẹp chống sóc: 01 bộ
61.	Bảng điều khiển hệ thống oxy trung tâm trong khoang bệnh nhân gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 02 đồng hồ đo lưu lượng oxy - 02 cổng kết nối nhanh hệ thống oxy với máy thở và mask thở - 01 bình làm ẩm oxy - 01 bộ chuyển đổi nguồn oxy khi một trong hai bình hết khí
62.	Móc treo truyền dịch (02 chiếc): 01 bộ
63.	Gá treo bơm tiêm điện/Máy truyền dịch: 01 bộ
64.	Thùng đựng rác và vật sắc nhọn: 01 chiếc
65.	Vách ngăn giữa khoang lái và khoang bệnh nhân có cửa sổ trượt: 01 bộ
66.	Tủ đựng thiết bị y tế nhiều ngăn: 01 bộ
67.	Trần khoang bệnh nhân bằng nhựa ABS: 01 bộ
68.	Hai bên thành khoang bệnh nhân bằng nhựa ABS: 01 bộ
69.	Sàn được phủ lớp Vinyl trong ngành y tế chống trơn trượt: 01 bộ
70.	Cửa kính ở cửa bên: 01 bộ
71.	Tay nắm an toàn cho nhân viên y tế lắp trên trần khoang bệnh nhân: 01 bộ
72.	Tay vịn an toàn lên xuống xe cho nhân viên y tế ở cửa giữa, cửa sau: 01 bộ
73.	Ghế ngồi cho nhân viên y tế phía đầu cồng có dây đai an toàn: 01 chiếc

74.	Ghế ngồi cho nhân viên y tế bên hông cánh có dây đai an toàn: 01 chiếc
75.	Ghế cho nhân viên y tế và người nhà bệnh nhân 03 chỗ ngồi có dây đai an toàn: 01 bộ
76.	Hộc để đồ dưới băng ghế: 01 bộ
77.	Ký hiệu và logo chữ thập đỏ: 01 bộ
78.	Cánh ghế: 01 cái
79.	Cánh phụ mềm gấp gọn để trên xe: 01 cái
80.	Cánh gấu: 01 cái
81.	Cánh chính có bánh xe chân tự bung khi lên xuống xe: 01 cái
82.	Bệ đỡ bằng thép chống gỉ cố định cánh chắc chắn trên sàn xe: 01 bộ
83.	Tấm đỡ cánh có độ nghiêng phù hợp giúp lên xuống xe dễ dàng: 01 bộ
84.	Đồng hồ điện tử thời gian thực, gắn tường: 01 cái
IV. TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	
1	Máy phá rung tim
1.1	Yêu cầu chung
	Số lượng: 01 cái, gắn trên xe có thể tháo rời.
	Năm sản xuất: Sản xuất trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm bàn giao hàng hóa, mới 100%, chưa qua sử dụng
	Đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: CE
	Nhiệt độ làm việc môi trường tối đa: $\geq 35^\circ$
	Độ ẩm môi trường làm việc tối đa: $\geq 80\%$
	Điện áp sử dụng: Pin và 220V/50Hz
	Cấp bảo vệ bụi bẩn $\geq IP44$
1.2	Yêu cầu về cấu hình
	- 01 Máy chính có kèm máy in nhiệt
	- 01 Điện cực dán đa năng
	- 01 Bộ bản cực sốc ngoài (cho người lớn và trẻ em)
	- 01 Dây cáp đa chức năng
	- 01 Bộ cáp và điện cực điện tim
	- 01 Pin sạc
	- 02 Cuộn giấy in nhiệt
1.3	Chỉ tiêu kỹ thuật
1.3.1	Phá rung và tạo nhịp
	Phương pháp đánh sốc 2 phase
	Có lựa chọn các mức năng lượng đánh sốc 50/100/150/200J
	Dải trở kháng bệnh nhân: 15-300 Ohm
	Hiện thị mức năng lượng đã chọn và mức năng lượng đã truyền đi
	Tự động chỉnh mức năng lượng thông qua giao thức người lớn hoặc trẻ em được cấu hình sẵn
	Bản cực sốc cầm tay kết hợp cả cho người lớn và trẻ em
	Đèn điều khiển năng lượng, sạc, sốc và in ấn trên thân bản cực
	Đèn chỉ thị sẵn sàng đánh sốc trên bản cực
	Thời gian nạp: ≤ 7 giây với mức pin đầy
	Sốc chuyển nhịp đồng bộ xung khử rung với sóng R của bệnh nhân
	Có chức năng tạo nhịp ngoài
	Có 2 loại tạo nhịp: nhịp theo nhu cầu (Demand) hoặc nhịp cố định (Fixed)
	Xung: thẳng tuyến tính, dòng không đổi: $40 \text{ ms} \pm 2 \text{ ms}$

	Cường độ dòng ra: 0 đến 140 mA \pm 5% hoặc 5 mA
	Tốc độ tạo nhịp: 30 đến 180 ppm \pm 2 ppm
	Có chức năng theo dõi phản hồi ép tim
	Theo dõi chất lượng thực hiện CPR phản hồi theo thời gian thực dựa vào độ sâu, tần số ép tim, có đồ thị dạng cột thể hiện chi tiết cho mỗi lần ép
	Độ sâu ép tim phát hiện: ≤ 2 đến ≥ 7 cm với độ chính xác ± 0.6 cm
	Tốc độ ép phát hiện: 50-150 lần/phút
	Có lời nhắc khi thực hiện CPR không hiệu quả
	Có cảnh báo bằng chữ trên màn hình và âm thanh về độ sâu, tốc độ ép khi việc thực hiện ép không đúng khuyến cáo AHA/ERC
1.3.2	Theo dõi ECG
	Màn hình theo dõi loại LCD màu hoặc tương đương, kích thước ≥ 7 inches
	Loại: 3 kênh, 5 kênh
	Số kênh hiển thị: 4 kênh ECG
	Ngõ vào: cáp điện tim 3 kênh, 5 kênh, điện cực dán ngoài, bản cực sốc
	Lựa chọn đạo trình: I, II, III aVR, aVL, aVF, Paddles (Pads)
	Tốc độ quét có thể lựa chọn: 12,5 mm/sec; 25mm/sec; 50 mm/sec
	Có chức năng cảnh báo mất kết nối
1.3.3	Pin
	Loại Pin Lithium hoặc tương đương gắn sẵn trong máy, có thể sạc lại được
	Dung lượng pin $\geq 5,5$ Ah
	Khi pin được nạp đầy có thể đánh sốc ≥ 20 lần với mức năng lượng 200J và theo dõi ECG lên đến ≥ 4 giờ liên tục
2	Máy thở di động
2.1	Yêu cầu chung
	Số lượng: 01
	Năm sản xuất: Sản xuất trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm bàn giao hàng hóa, mới 100%, chưa qua sử dụng
	Đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: CE hoặc EN 1789
	Nhiệt độ làm việc môi trường tối đa: $\geq 60^{\circ}\text{C}$
	Độ ẩm môi trường làm việc tối đa: $\geq 95\%$
	Điện áp sử dụng: Pin theo máy
	Cấp bảo vệ bụi bẩn: $\geq \text{IP54}$
	Kích thước khoảng 100 x 145 x 90 (mm) $\pm 10\%$
	Trọng lượng: $\leq 0,8$ kg
2.2	Yêu cầu cấu hình
	- 01 máy chính
	- 01 Bộ dây thở kèm van
	- 01 Bộ kích nhịp thở
	- 01 Mặt nạ thở
	- 01 Phôi giả kiểm tra máy
	- 01 Dây nguồn Oxy
2.3	Chỉ tiêu kỹ thuật
	Chế độ điều khiển: Xung thời gian, thể tích không đổi
	Kích hoạt nhịp thở bằng tay: Trong chế độ CPR phím kích hoạt trên van bệnh nhân
	Chế độ thở: Kiểm soát IPPV
	Tỉ lệ hít vào thở ra (I:E): 1:2 ($V_t \leq 150\text{ml}$); 1:3 ($V_t > 150\text{ml}$)

	Tỉ lệ hít vào thở ra trong chế độ CPR: 1:1
	Thể tích thở tối đa lên đến 950 ml
	Dòng chảy tối đa ≥ 47 lít/phút
	Lưu lượng khí O ₂ cung cấp tối thiểu: ≥ 70 l/min
	Áp lực tối đa: 20 mbar hoặc 45 mbar
	Trở kháng van bệnh nhân sự hít vào thở ra: Sự hít vào và thở ra < 6mbar tại 60 l/ phút, tự thở <1.5 mbar tại 30 l/ phút
	Chế độ cấp cứu: Chế độ thở cấp cứu cho trẻ em và người lớn, chế độ CPR
2.4	Pin
	Loại Pin Lithium hoặc tương đương, gắn sẵn trong máy
	Dung tích Pin ≥ 5 Ah
	Tuổi thọ ≥ 2 năm
3	Máy hút dịch
3.1	Yêu cầu chung
	Số lượng: 01 cái
	Năm sản xuất: Sản xuất trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm bàn giao hàng hóa, mới 100%, chưa qua sử dụng
	Đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn:ISO 13485 hoặc EN 1789
	Nhiệt độ làm việc môi trường tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
	Độ ẩm môi trường làm việc tối đa: $\geq 80\%$
	Điện áp sử dụng: Pin và 220V/50Hz
3.2	Yêu cầu về cấu hình
	-01 máy chính kèm pin
	-01 Bình hút dịch
	-01 Ống hút PVC
	-01 Bộ lọc khuẩn
	-01 Cáp sạc AC/DC
	-01 giá treo gắn tường
3.3	Chỉ tiêu kỹ thuật
	Lực hút khí tối đa: ≥ 30 lít/phút
	Áp lực hút chân không tối đa: 630 mmHg
	Độ ồn ≤ 50 dB
	Vỏ làm bằng chất liệu nhựa ABS, có tay xách
	Sử dụng loại bơm không dầu
	Có núm điều chỉnh áp lực hút
	Có công tắc bật ON/OFF chống nước, có đèn LED hiển thị
	Bình hút dịch có dung tích \geq lít, làm bằng chất liệu Polycarbonate, có van chống tràn, có thể tiết trùng hơi nước ở nhiệt độ 121 $^{\circ}\text{C}$
3.4	Pin
	Pin gắn sẵn trong máy, có thể sạc lại được
	Dung lượng Pin $\geq 4,5$ Ah
4	Máy truyền dịch
4.1	Yêu cầu chung
	Số lượng: 01 cái
	Năm sản xuất: Sản xuất trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm bàn giao hàng hóa, mới 100%, chưa qua sử dụng
	Đáp ứng tối thiểu tiêu chuẩn: ISO 13485

	Nhiệt độ làm việc môi trường tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
	Độ ẩm môi trường làm việc tối đa: $\geq 80\%$
	Điện áp sử dụng: Pin và 220V/50Hz
4.2	Yêu cầu cấu hình
	01 Máy chính
	01 Bộ sensor đếm giọt
	01 Giá kẹp cốc truyền
4.3	Chỉ tiêu kỹ thuật
	Sử dụng được với các loại dây truyền dịch thông thường của nhiều hãng khác nhau
	Tốc độ truyền: $\leq 1 \text{ mL/h}$ đến $\geq 100 \text{ mL/h}$ tùy thuộc vào loại dây truyền, bước đặt 1mL/h
	Đặt tốc độ truyền nhanh (Bolus): $\leq 100 \text{ mL/h}$ đến $\geq 300 \text{ mL/h}$ tùy thuộc vào loại dây truyền, bước đặt 100mL/h
	Bảo động áp lực tắc đường truyền
	Bảo động có bọt khí
	Cảnh báo chưa cài đặt các thông số truyền dịch
	Hiện thị hướng dẫn lắp dây truyền
5	Bơm tiêm điện
5.1	Yêu cầu chung
	Số lượng: 01 cái
	Năm sản xuất: Sản xuất trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm bàn giao hàng hóa, mới 100%, chưa qua sử dụng.
	Đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: ISO 13485
	Nhiệt độ làm việc môi trường tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
	Độ ẩm môi trường làm việc tối đa: $\geq 80\%$
	Điện áp sử dụng: Pin và 220V/50Hz
5.2	Yêu cầu về cấu hình
	01 máy chính
	01 giá kẹp cốc truyền
5.3	Chỉ tiêu kỹ thuật
	Bơm tiêm điện sử dụng được các loại bơm tiêm: 5mL, 10mL, 20mL, 30mL, 50/60mL của nhiều hãng sản xuất khác nhau
	Tốc độ tiêm cài đặt từ 0,01 mL/h đến tối đa 1200 mL/h tùy thuộc vào loại bơm tiêm sử dụng
	Bước đặt 0,01mL/h; 0,1 mL/h; 1 mL/h tùy thuộc vào dải cài đặt tốc độ tiêm
	Có chức năng tiêm nhanh (Bolus), tốc độ tiêm nhanh từ 100 mL/h đến tối đa 1200 mL/h tùy thuộc vào loại bơm tiêm sử dụng
	Có các báo động: tắc đường truyền, hoàn thành thể tích tiêm đặt trước, lắp không đúng bơm tiêm....
6	Máy thử đường huyết
	Dùng nguồn Pin
	Ghi nhớ được các kết quả thử nghiệm
	Thời gian đo trung bình khoảng 5 giây
	Có khả năng truyền dữ liệu vào máy tính
7	Đồng hồ đo huyết áp gắn tường (Wall Type Sphygmomanometer)
	Đường kính khoảng 150 mm, dễ đọc được hiển thị với độ tương phản cao.
	Sử dụng cho Người lớn và trẻ em

	Dễ dàng cố định trong xe cứu thương
8	Vali cấp cứu
	Số lượng: 01 cái
	Năm sản xuất: Sản xuất trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm bàn giao hàng hóa, mới 100%, chưa qua sử dụng.
	Đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: CE, FDA
	Bao gồm:
	-01 Vali 2 mặt (PEDH): 360 x 475 x 165 mm ± 10 %
	-01 Bình oxy 2L bằng thép nguyên khối (bình rỗng)
	-01 Bộ điều chỉnh lưu lượng 0-15 lít/Phút
	-01 Ambu bóp bóng cùng túi cung cấp O ₂ và mặt nạ dành cho người lớn và trẻ em
	-01 Bơm hút dịch, dung tích bình chứa dịch tối thiểu 250 ml
	-01 Bộ mặt nạ thở O ₂ cho người lớn và trẻ em (gồm 01 mặt nạ cho người lớn và 01 mặt nạ cho trẻ em), chặn, kéo, che miệng và giữ lưỡi
	-01 Bộ ống Guedell số 1, 3, 5
	- 01 Bộ túi nylon, bao gồm các loại: 300x270x50mm; 300x140x50mm; 150x160x70mm
9	Bộ nẹp cổ
	Bộ nẹp cổ được làm từ nguyên vật liệu không gây dị ứng, mềm dễ dàng sử dụng và chùi rửa.
10	Túi tử thi
	Được sử dụng cho các mục đích vận chuyển tử thi một cách dễ dàng.
	Được làm từ vật liệu Vinyl
	Có 6 tay cầm
	Có dây kéo và trọng lượng nhẹ
	Dễ dàng chùi rửa

1.3. Các yêu cầu khác:

a. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa

- Tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối hợp pháp trong đó thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật đối với các thiết bị chào thầu. Các tài liệu kỹ thuật này nếu là ngôn ngữ nước ngoài thì phải có bản dịch sang tiếng Việt (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Trong trường hợp có sự khai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị dự thầu dựa vào bản gốc.
- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu);
- Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được giấy phép/ủy quyền bán hàng hoặc các tài liệu tương đương khác cho tất cả hàng hóa dự thầu trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp.
- Bản cam kết của nhà thầu sẽ cung cấp tài liệu khi giao hàng bao gồm:
 - (i) Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản sao công chứng Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ); Bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list và các tài liệu chứng minh thiết bị được thông quan hợp pháp; Giấy phép nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc Bản phân loại trang thiết bị

y tế/Bản kết quả phân loại thiết bị y tế (Trừ túi đựng tử thi) nếu hàng hóa là trang thiết bị y tế (Trừ trường hợp hàng hóa nằm ngoài quy định phải có giấy phép nhập khẩu);

(ii) Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam: Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với các thiết bị sản xuất trong nước; Số đăng ký lưu hành hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc Bản phân loại trang thiết bị y tế/Bản kết quả phân loại thiết bị y tế (Trừ túi đựng tử thi) nếu hàng hóa là trang thiết bị y tế.

- Các tài liệu là bản sao phải có chứng thực của cơ quan chức năng, bản trực tuyến phải có đóng dấu xác nhận của nhà thầu, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải cung cấp kèm bản gốc và bản dịch. Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá dựa vào bản gốc. Trong mọi trường hợp, nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các bản sao, bản cấp trực tuyến, bản gốc và bản dịch của hồ sơ.

b. Bảng chào đáp ứng kỹ thuật

- Nhà thầu phải đính kèm file word và file scan có ký đóng dấu hợp lệ của Bảng chào đáp ứng thông số kỹ thuật dưới đây.

- Đối với tài liệu tham chiếu: nhà thầu phải phân chia các folder tương ứng với từng máy (các máy có chung tài liệu có thể được gộp cùng 1 folder). Tại các folder cần tách file như sau:

+ Folder pháp lý: gồm các file được tách riêng về: ISO, CFS, Số lưu hành, GPNK, Bảng phân loại v.v...

+ Folder kỹ thuật: gồm các tài liệu tham chiếu khác nhau cần được tách riêng từng file như: catalogue, bảng dữ liệu (datasheet), hướng dẫn sử dụng (instruction for use) v.v... (mỗi file là 1 tài liệu, đề nghị không gộp chung tất cả tài liệu kỹ thuật thành 1 file).

Nhà thầu phải kê khai trung thực theo các tính năng, thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố. Bất cứ sự kê khai sai lệch thông tin nào nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu.

BẢNG CHÀO ĐÁP ỨNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Stt	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung E-HSDT	Tài liệu tham chiếu
1	Máy Số lượng:	Máy Số lượng: Model: Hãng sản xuất: Xuất xứ: Hãng chủ sở hữu (hãng/nước):	
1.1	Yêu cầu chung	Yêu cầu chung	

Stt	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung E-HSDT	Tài liệu tham chiếu
1.2	Yêu cầu cấu hình	Yêu cầu cấu hình	
1.3	Chỉ tiêu kỹ thuật	Chỉ tiêu kỹ thuật	
1.4	Yêu cầu khác	Yêu cầu khác	

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra kiểu dáng, nhãn mác, hình thức hàng hóa.
- Kiểm tra thông số so với các yêu cầu của E-HSMT và bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Thử nghiệm:

+ Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, chạy thử hàng hóa dưới sự giám sát của Chủ đầu tư (nếu được yêu cầu) để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, đặc điểm kỹ thuật... phù hợp với các quy định trong hợp đồng.

+ Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

Cách thức xử lý đối với hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm:

Sau khi hoàn thành các nội dung về Kiểm tra và Thử nghiệm hàng hóa, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.